NHỮNG BÀI HAY TRÊN TẠP CHÍ DÂN TỘC HỌC NĂM 2010 - MẤY NHẬN XÉT

BÙI XUÂN ĐÍNH

Đã thành thông lệ, cứ vào đầu năm mới, các thành viên của Ban Biên tập Tạp chí Dân tộc học lại cùng nhau chọn lọc trong 6 số Tạp chí đã xuất bản năm qua những bài hay. Điều đáng mừng là trong lần bình chọn của năm 2010, có sự thống nhất cao giữa các thành viên Ban Biên tập. Trong số 48 bài nghiên cứu, trao đổi ý kiến và tư liệu dân tộc học đã đăng trong 6 số Tạp chí của năm, có 15 bài được các thành viên nêu lên xem xét, và cuối cùng, qua đề cử bằng phiếu, đã chọn được 5 bài với số phiếu cao nhất (xem *Thông báo kết quả tuyển chọn bài hay Ctrên Tạp chí Dân tộc học năm 2010* trong số này).

Có thể nhận thấy, 5 bài được tuyển chọn đã phản ánh các nội dung đa diện. Có bài đề cập đến một vấn đề chung, trên phạm vi khá rộng là mối quan hệ giữa nông thôn Việt Nam truyền thống và hiện đại (*Nguyễn Công Thảo*), hoặc vấn đề lớn nhưng trên một địa bàn hẹp hơn là vai trò của văn hóa tộc người trong phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Bắc (*Trần Hồng Hạnh*); hay về khuynh hướng phát triển của người Lô Lô trong môi trường kinh tế - xã hội vùng biên giới Việt Trung (*Phạm Đăng Hiến*). Có bài đề cập đến vấn đề chuyên sâu (tục thờ thành hoàng), nhưng ở địa bàn tại hai quốc gia Việt Nam và Hàn Quốc, trong sự so sánh (*Cao Thế Trình*). Trong khi đó, có bài chỉ lấy một cộng đồng nhỏ để nghiên cứu các mối quan hệ xã hội của một khối cư dân đô thị nghèo (*Nguyễn Thị Thùy Dương*). Sự đa diện, đa sắc màu đó cũng chính là kết quả tìm tòi, phát hiện của mỗi người. Tính đa diện, đa sắc màu còn được nhân lên bởi các cách tiếp cận của từng tác giả. Tuy có mẫu số chung là tiếp cận Dân tộc học hay Dân tộc học/ Nhân học, song tùy theo nghiên cứu, mỗi tác giả còn lựa chọn thêm một số tiếp cận, phương pháp chuyên biệt, như tiếp cận đa ngành, liên ngành, đa chiều, sử dụng các phương pháp điền dã, phân tích, thống kê, đối chiếu, so sánh, định tính, định lượng. Nhờ đó mà bài viết nào cũng giàu tư liệu và có độ tin cậy cao.

Giá trị cốt yếu của 5 bài được lựa chọn là tính phát hiện. Tính phát hiện đó thể hiện ở vấn đề được phản ánh và ở cách lý giải. Xin điểm qua một số phát hiện chính của từng bài viết:

1. Trong bài *Người Lô Lô trong môi trường kinh tế - xã hội vùng biên giới Việt - Trung* (Số 1), Phạm Đăng Hiến sau khi phác thảo bức tranh kinh tế - xã hội truyền thống của người Lô Lô đã chỉ ra những biểu hiện mới về quan hệ của họ trong điều kiện kinh tế thị trường tại vùng này. Từ một tộc người có địa bàn cư trú cách biệt với nếp sống nương rẫy, tự cấp tự túc, người Lô Lô đang từng bước chuyển mình, thích ứng với nền kinh tế thị trường, với việc mở cửa biên giới,

như chuyển sang nuôi bò hàng hóa, đi buôn dưới hình thức liên kết vốn theo nhóm với người Việt và người Trung Quốc, làm các nghề thủ công... Sự thay đổi phương thức mưu sinh dẫn đến thay đổi trong quan hệ xã hội của tộc người, mà biểu hiện rõ nhất là tính cộng cư tộc người bị phá vỡ; các mối quan hệ tộc người liên biên giới được tăng cường, cả về huyết thống, hôn nhân, đặc biệt về kinh tế. Các giá trị văn hóa truyền thống của tộc người cũng chuyển biến theo sự thay đổi về kinh tế, với hiện tượng sử dụng ngôn ngữ của các tộc người khác trong đời sống thường ngày, cả trong gia đình; đặc biệt là xây dựng "Làng văn hóa truyền thống", "Nhà văn hóa du lịch cộng đồng", làm và bán quần áo truyền thống... để phục vụ du lịch.

2. Việt Nam và Hàn Quốc trong quá khứ từng chịu ảnh hưởng của văn hóa Hán. Cao Thế Trình trong bài *Tìm hiểu tín ngưỡng thành hoàng ở Hàn tộc (Qua đối sánh với tín ngưỡng thành hoàng ở Việt tộc)* (Số 3) đã sử dụng phương pháp miêu tả và so sánh để đưa ra những nét tương đồng và dị biệt của một hiện tượng văn hóa, đó là tục thờ thành hoàng của người Hàn Quốc và người Việt, với nhận xét khá xác đáng: Tuy có nguồn gốc Trung Hoa, nhưng khi vào Hàn Quốc và Việt Nam, khái niệm "Thành hoàng" đã được "Hàn hóa" hay "Việt hóa" để không đơn thuần chỉ là "Đại đô thành hoàng" (vị thần ở các con hào bao quanh các thành cổ), mà đã "hóa thân" thành vị thần phù hộ che chở cho cư dân cộng đồng làng xã. Nói một cách khác, yếu tố văn hóa gốc đó chỉ có cái "vỏ Tàu", còn "ruột" thì đã mang tính thuần Hàn, thuần Việt; hay tục thờ thành hoàng (cũng như rất nhiều yếu tố văn hóa khác) ở Hàn Quốc, Việt Nam đã "nằm bên lề" những tác động của văn hóa Hán. Bản chất của tục thờ thành hoàng chính là thờ thần thổ công - thổ địa, thể hiện sự gắn bó của con người với môi trường tự nhiên bao quanh. Tín ngưỡng thành hoàng ở Hàn Quốc không sâu đậm như ở người Việt (thể hiện ở nơi thờ phụng, cách thờ phụng...). Điều này thể hiện bản sắc riêng của người Việt.

3. Đô thị là đối tượng nghiên cứu lý thú, song ở nước ta, nghiên cứu đô thị dưới góc độ Nhân học văn hóa và Dân tộc học dường như vẫn là lĩnh vực còn ít được khai phá, đặc biệt là những khảo cứu cụ thể. Trong năm 2009, bạn đọc *Tạp chí Dân tộc học* biết đến bài của Trần Thị Hồng Yến với *Chuyển đổi nghề nghiệp ở một số xã ngoại thành Hà Nội được chuyển thành phường* (được chọn là bài hay của Tạp chí trong năm), đưa ra những thông tin, tư liệu, số liệu khá chi tiết và lý thú về thay đổi phương thức mưu sinh của những nông dân các làng quê ở các xã được chuyển thành phường. Còn năm 2010, bài *Dân cư và lối sống đô thị (Nghiên cứu một cộng đồng nghèo ở ven đê sông Hồng - Hà Nội)* (Số 4) của Nguyễn Thị Thùy Dương cũng được lựa chọn. Phát hiện của tác giả ở đây là trong trào lưu hiện đại hóa của đô thị Hà Nội, bên cạnh các chung cư cao cấp, các biệt thự của đại gia, của tầng lớp trung lưu, vẫn tồn tại cuộc sống của những người dân "tứ chiếng", với đủ thành phần về nghề nghiệp, quá khứ xuất thân, quan hệ với nhau bằng các "luật ngầm" riêng, theo nguyên tắc "không can thiệp", song nhìn chung vẫn là "cá lớn nuốt cá bé, ma cũ bắt nạt ma mới". Giữa một thế giới ngầm với các tệ nạn xã hội, đầy rẫy sự phức

tạp, người ta vẫn thấy được những nét "khác lạ". Đó là việc những thị dân nghèo và những người lao động di chuyển ra Hà Nội mưu sinh vẫn duy trì một lối sống có sự pha trộn giữa đô thị và nông thôn, có sự song hành của những hiện tượng và nguyên tắc tưởng như đối nghịch nhau: Trước sự xô đẩy của cơn lốc đô thị hóa, vừa xảy ra sự rạn vỡ các mối quan hệ truyền thống trong đời sống gia đình của một bộ phận cư dân; vừa có xu hướng cố kết dòng tộc, gắn bó đồng hương để tạo thành chỗ dựa cần thiết, như một nguồn vốn xã hội quý giá giúp người nghèo, người lao động di cư trong nỗ lực thoát nghèo. Tương tự, những nguyên tắc tưởng như đối lập (không can thiệp/ tương trợ đồng cảnh ngộ và đồng thuận tập thể vì quyền lợi chung) giữ vai trò như những viên gạch xây nên các mối quan hệ xã hội cũng như lối sống của xóm nghèo ngoài đê, an ủi và nâng đỡ những người, những cảnh đời khác nhau phải bỏ quê ra mưu sinh nơi đô hội.

4. Nguyễn Công Thảo trong bài viết *"Kinh tế duy tình" và "những người nông dân duy lý"...*(Số 5) đã phân tích khá thấu đáo khái niệm "duy tình" và "duy lý" trong hoạt động kinh tế của người nông dân - chủ thể của vùng nông thôn được nhìn nhận như là "những thế giới khép kín với các tổ chức xã hội đặc thù, các thiết chế, các chuẩn mực xã hội riêng, bởi được dựa trên cơ sở kinh tế tự cấp tự túc dựa vào nông nghiệp là chính, ít có quan hệ tương tác với thế giới bên ngoài", do vậy mà "nghèo đói, lạc hậu, tĩnh lặng, trì trệ"; tương phản với thành thị của công nhân và thương nhân với kinh tế công nghiệp và thương nghiệp "giàu có và văn minh, sôi động và năng động". Đây là điểm tựa để tác giả lý giải một cung cách ứng xử của người nông dân Việt trong quá trình chuyển đổi của xã hội nông thôn hiện nay.

5. Từ trước đến nay, đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về văn hóa. Trong bài viết *Vai trò của văn hóa tộc người trong phát triển kinh tế - xã hội ở Đông Bắc Việt Nam* (Số 6), Trần Hồng Hạnh lại đưa bạn đọc đến với một khía cạnh khác của văn hóa: Vai trò của văn hóa tộc người trong phát triển kinh tế - xã hội ở một địa phương cụ thể. Bằng nguồn tư liệu khá phong phú, với cách tiếp cận khá mới mẻ trong bối cảnh của Việt Nam, tác giả đã chỉ ra những biểu hiện cụ thể về vai trò tích cực của văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội ở địa bàn được khảo sát: Văn hóa góp phần tăng thu nhập (phát triển du lịch, tiếp thu tiến bộ khoa học kỹ thuật, phát triển sản xuất hàng hóa và kinh doanh trên cơ sở vốn tri thức truyền thống...), văn hóa góp phần bảo đảm đoàn kết, ổn định để phát triển... Đương nhiên, tác giả cũng không quên chỉ ra những trở lực của văn hóa truyền thống với sự phát triển.

Một đóng góp khác của cả 5 bài viết là, dù không có tiêu đề "Khuyến nghị" riêng - một "mô típ" hay "công thức" thường thấy ở khá nhiều bài viết, song bằng cách dẫn dắt có chủ đích, các tác giả vẫn gửi tới người đọc những ý kiến như là khuyến nghị, thậm chí là "nhắc nhở, cảnh báo" với những người quản lý về thực trạng các vấn đề được nghiên cứu. Phạm Đăng Hiến chỉ rõ, sự phát triển kinh tế biên giới Việt - Trung đang chi phối mạnh mẽ ứng xử mưu sinh, tạo môi trường xã hội mới, tích hợp nhiều sắc thái, chiều kích kinh tế, văn hóa, cơ hội và thách thức, đưa đến những quan hệ mới, tạo tiền đề để biến đổi các quan hệ truyền thống; song người Lô Lô phải đối mặt với những

khắc nghiệt của kinh tế thị trường...; bởi vậy, tạo sức hấp dẫn cho các yếu tố của thị trường nội biên là tiền đề cho định hướng và quản lý các quan hệ tộc người. Nguyễn Thị Thùy Dương cũng "cảnh báo" nguyên nhân tồn tại của những cộng đồng nghèo khổ ngay trong Thủ đô Hà Nội là hệ quả của quá trình độ thị hóa không đều giữa các vùng, giữa mở rộng sản xuất và gia tăng dân cư đô thị không đi liền với cơ sở hạ tầng. Nguyễn Công Thảo khẳng định nông thôn hiện nay không còn là một khu vực tách biệt với thế giới bên ngoài và việc nghiên cứu về làng ở nông thôn cần đặt trong mối quan hệ với một mạng lưới mở, rộng hơn; cần phải có một cái nhìn mới, không chỉ nên đơn thuần nhằm lý giải nền kinh tế nông thôn có "duy tình" hay người nông dân có "duy lý" hay không, mà phải lý giải được các làng đã, đang và sẽ biến đổi như thế nào, cơ chế biến đổi ra sao, làm sao để bảm đảm phát triển bền vững cho người nông dân. Việc nhận diện, lựa chọn một mô hình phù hợp tùy thuộc vào bối cảnh của từng khu vực, cộng đồng cụ thể. Để làm được điều đó, cần phải có tiếp cận đa chiều. Ở đây, tác giả còn gửi gắm lời khuyến nghị cho cả một hướng nghiên cứu. Trần Hồng Hạnh chỉ rõ các yếu tố văn hóa truyền thống được bảo lưu đến nay ở các tộc người có vai trò tích cực trong phát triển kinh tế, thật sự là một bộ phận của nền "văn hóa xanh" - nền văn hóa phù hợp với sự phát triển bền vững, khi người nông dân vượt lên nghèo đói không phải bằng bất cứ giá nào mà chủ yếu bằng các phương thức phù hợp với đạo đức của cộng đồng. Từ đó tác giả cho rằng, cần phải có biện pháp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa ấy để phục vụ cho phát triển bền vững. Cao Thế Trình qua bài viết cũng muốn nhắn gửi đến mọi người cần có một quan điểm dân tộc vững vàng khi tiếp nhận các yếu tố văn hóa ngoại lai.

Chắc chắn trong bài viết nhỏ này chưa thể chuyển tải hết những điểm hay, những đóng góp của 5 tác phẩm nêu trên. Mong bạn đọc tiếp tục khám phá và xin chúc mừng các tác giả!

Đại biểu tham dự Hội nghị Thông báo Dân tộc học năm 2010